

Bản án số: 168/2017/HSPT

Ngày: 20/12/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tôn Anh Dũng.

Các Thẩm phán: Bà Đào Thị Mai Hương.

Ông Nguyễn Thanh Lộc

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Thanh Thọ, cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Ái Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 159/2017/HSPT ngày 08/11/2017 đối với bị cáo **Trần B**, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Toà án nhân dân thị xã Hương Thủy.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần B, giới tính: Nam, sinh ngày 08/9/1996 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Trú tại: Thôn 8A, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 4/12; con ông Trần C, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ ngày 25/5/2017; tạm giam ngày 02/6/2017; Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Trần Quốc N, không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy và bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thị xã Hương Thủy thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 24/5/2017, Trần Quốc N rủ Trần B đi chơi thì B đồng ý. N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75G1-196.58 (xe củ Na) chở B đi về hướng trạm thu phí PB. Khi đến đoạn đường Quốc lộ 1A trước cây xăng PV thuộc xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, N phát hiện chị Lê Thị Thu H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75G1-085-79 đi phía trước cùng chiều có đeo một túi xách trước bụng nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. N nói với

B: “Con nớ có đeo túi xách nơi tề, có giật không?”, B nói “Giật thì giật”; N tăng tốc độ xe để đuổi theo xe của chị H. Khi đến đoạn đường Quốc lộ 1A thuộc thôn 9, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, N điều khiển xe mô tô áp sát chị H và nói với B: “Giật đi B”, B trả lời: “Tau sợ con nớ bỏ lăm”, N nói tiếp: “Đề tau giật cho”. Lúc này, N tiếp tục tăng tốc độ xe và áp sát bên trái xe của chị H rồi dùng tay phải giật túi xách đưa cho B cầm rồi tẩu thoát. N điều khiển xe mô tô chạy vào hướng Khe L thuộc xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau đó cả hai dừng xe lại bên đường để kiểm tra tài sản thì phát hiện trong túi xách gồm có: 01 tờ Dollar mệnh giá 01 USD, 01 thẻ ATM, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Lê Thị Thu H. N lấy 01 tờ Dollar bỏ vào ví, số giấy tờ còn lại B cất giấu trong người mục đích để sau này sử dụng cầm cố tài sản, còn túi xách vứt lại ven đường.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô biển số 75G1-196.58, 01 tờ tiền Dollar Mỹ mệnh giá 01 USD, 01 túi xách màu nâu, 01 thẻ ATM, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Thị Thu H. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Lê Thị Thu H.

Tại bản kết luận số 42/HĐ-ĐG ngày 25/5/2017 và kết luận số 55/HĐ-ĐG ngày 07/7/2017, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã Hương Thủy đã kết luận: 01 tờ tiền Dolla Mỹ mệnh giá 01 USD trị giá 22.610 đồng, 01 túi xách màu nâu trị giá 160.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị Thu H đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Tại bản án sơ thẩm số 54/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Toà án nhân dân thị xã Hương Thủy đã quyết định:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Bị cáo Trần B 03 (ba) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 25/5/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt đối với bị cáo Trần Quốc N; tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/10/2017, bị cáo Trần B có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần B, giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Đã có cơ sở để kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 24/5/2017, tại xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, Trần Quốc N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75G1-196.58 chở Trần B đi chơi, khi đến đoạn đường Quốc lộ 1A trước cây xăng PV thuộc xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, N phát hiện chị Lê Thị Thu H điều khiển xe mô tô đi phía trước cùng chiều có đeo một túi xách trước bụng nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản và rủ B giật túi xách của chị H. B đồng ý nhưng nói với N: “Tau sợ con nớ bỏ lăm”, Sau đó N tăng tốc độ xe và áp sát bên trái xe của chị H rồi dùng tay phải giật túi xách đưa cho B cầm rồi tẩu thoát. Tài sản hai bị cáo cướp giật được gồm: 01 tờ Dollar mệnh giá 01 USD, 01 thẻ ATM, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Lê Thị Thu H. N lấy 01 tờ Dollar bỏ vào ví, số giấy tờ còn lại B cất giấu trong người mục đích để sau này sử dụng cầm cố tài sản, còn túi xách vứt lại ven đường. Qua định giá tài sản 01 túi xách và 01 tờ tiền Dollar Mỹ, có tổng giá trị là 182.610 đồng.

Với hành vi trên, Toà án nhân dân thị xã Hương Thủy kết tội bị cáo Trần B về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần B, thấy rằng: Bị cáo B là người có năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức được việc dùng xe mô tô để tài sản của người khác là nguy hiểm, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, có thể ảnh hưởng tính mạng sức khỏe người bị hại và còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an tại địa phương, nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Vì vậy, cần phải xử lý để giáo dục và phòng ngừa. Tuy nhiên trong vụ án này bị cáo B tham gia với vai trò thụ động, thứ yếu. B chỉ theo N đi chơi trên đường đi nhất thời đồng ý với N để N giật túi xách của chị H, còn B sợ chị H ngã xe nên không giật. Xét thấy bị cáo cũng có ý thức giữ gìn tính mạng sức khỏe người khác và sau khi vụ án bị phát hiện bị cáo đã trả lại cho chị H thẻ ATM, giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe nên cần xem xét thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ khắc phục hậu quả, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Về nhân thân bị cáo B là tốt chưa có vi phạm gì nên bị cáo có đủ điều kiện áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa một phần án sơ thẩm giảm, một phần hình phạt đối với bị cáo Trần B.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần B không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần B, sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt đối với bị cáo Trần B.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Bị cáo Trần B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 25/5/2017.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần B không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- TAND TX Hương Thủy;
- VKSND TX Hương Thủy;
- Công an TX Hương Thủy;
- Chi cục THADS TX Hương Thủy;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu HS; T HS; THCTP.

Tôn Anh Dũng

